

Số: 71/2020/QĐST - HNGĐ

N, Ngày 3 tháng 7 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 71/2020/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị H** – Sinh năm: 1982.

Địa chỉ trước đây: Thôn L, xã H, huyện T, Thanh Hóa.

Hiện nay là: thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn:* Anh **Lê Hữu T** – Sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Khu Phố C, Thị Trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; 55; 57; của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, 19, 26 và Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc T tình ly hôn và sự thoả T của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện và hoà giải thành ngày 25/6/2020 là tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận T tình ly hôn giữa: Chị Phan Thị H và Anh Lê Hữu T.

2. Công nhận sự thoả T của các đương sự cụ thể như sau:

\* *Về hôn nhân:* Chị Phan Thị H và Anh Lê Hữu T đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Anh, chị kết hôn với nhau vào ngày 30/10/2019, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Y (Nay là UBND thị Trấn Y), huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không ai bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống H phúc được khoảng hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình và quan điểm sống không hợp nhau. Đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cả chị H và Anh T đều thống nhất T tình ly hôn.

\* *Về con chung*: Chị Phan Thị H và anh Lê Hữu T đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Vợ chồng không có con chung, con riêng nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết về phần con chung, con riêng của vợ chồng.

\* *Về tài sản và các nghĩa vụ chung*: Chị Phan Thị H và anh Lê Hữu T đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Vợ chồng tự thỏa T nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

\* *Về án phí*: Chị Phan Thị H và anh Lê Hữu T đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Chị Phan Thị H chịu 150.000 đồng tiền án phí DS - HNGĐ sơ thẩm nhưng hiện tại chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003488, Ngày 19 tháng 03 năm 2020. Nên chị Phan Thị H được nhận lại 150.000 đồng tiền án phí; Anh Lê Hữu T không phải chịu án phí DS - HNGĐ sơ thẩm.

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THA DS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND thị trấn Y, huyện N.
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký và đóng dấu)

**Ngô Công Tuấn**